

Số: 319 /BC-UBND

Vị Xuyên, ngày 15 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng đề án đặt tên đường, tên phố, số ngõ, ngách và đánh số, gắn biển số nhà trên địa bàn thị trấn Vị Xuyên, thị trấn nông trường Việt Lâm

Thực hiện Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Thực hiện Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Được sự nhất trí của Ban thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo ngành chuyên môn tham mưu thực hiện đề án đặt tên đường, tên phố, số ngõ, ngách và đánh số, gắn biển số nhà trên địa bàn thị trấn Vị Xuyên, thị trấn nông trường Việt Lâm như sau:

A. Về công tác triển khai thực hiện

Ban hành Quyết định số 6194/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 về việc thành lập tổ xây dựng đề án đặt tên đường phố, tên phố, ngõ ngách và công trình công cộng và số nhà trên địa bàn thị trấn Vị Xuyên, thị trấn nông trường Việt Lâm huyện Vị Xuyên và được kiện toàn tại Quyết định số 10094/QĐ-UBND, ngày 11/12/2023. Tổ tác đã tổ chức họp ngày 04 tháng 8 năm 2023, để phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và đề ra lộ trình thực hiện cụ thể.

Trong quá trình thực hiện lập đề án, có triển khai họp đến từng thôn bản xin ý kiến nhân dân trên địa bàn và được nhân dân hoàn toàn nhất trí. Tổ xây dựng đề án đã tổ chức họp bàn, thông qua đề án trước khi thông qua phiên họp UBND huyện Vị Xuyên thường kỳ tháng 4 năm 2024, thông qua Thường trực huyện ủy và thông qua ban ban thường vụ Huyện ủy.

B. Kết quả chính của Đề án

I/ Đối với thị trấn Vị Xuyên

1. Dự kiến đặt tên đường thị trấn Vị Xuyên: gồm 07 tuyến đường

1.1. Đường Nguyễn Trãi (QL.2). Điểm đầu: Từ Km 268, QL.2. (Phía Nam); Điểm cuối: Km 273 QL 2 (Phía Bắc); Chiều dài: 5.000m; Mặt cắt ngang đường: 20,5m (lòng đường 10,5 m; hè đường 3 x 2m); Kết cấu đường: Nhựa áp phan.

1.2. Đường Trần Phú. Điểm đầu: Từ Km 270+400, QL.2; Điểm cuối: K0+550 (Trường dạy nghề và Kho bạc); Chiều dài: 550m; Mặt cắt ngang đường: 11,5m (lòng đường 7,5); Kết cấu đường: Bê tông nhựa asphalt.

1.3. Đường Hùng Vương. Điểm đầu: Từ Km 270, QL.2 (Ngã 3 bưu điện); Điểm cuối: Km0+733,5 (Giao với đường dự kiến Võ Nguyên Giáp); Chiều dài: 733,5m; Mặt cắt ngang đường: 15m (lòng đường 10,5 m; hè đường 3 x 2m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa asphalt.

1.4. Đường Lê Quý Đôn. Điểm đầu: Từ Km 270+800, QL.2. (nhà Ông Thiện Sắc); Điểm cuối: Giao với đường QL2 (Km 268+ 600, QL.2) nhà Ô Nguyễn Linh; Chiều dài: 2600m; Mặt cắt ngang đường: 11,5m (lòng đường 7,5 m; hè đường 2 x 2m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa asphalt.

1.5. Đường Huỳnh Thúc Kháng. Điểm đầu: Từ Km 268+950, QL.2; Điểm cuối: Km0+790,80 (Ngã ba đường vào Bãi Đá Việt Long); Chiều dài: 790,80m; Mặt cắt ngang đường: 7m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa và đường tông.

1.6. Đường Hồng Quân. Điểm đầu: Từ Km 269+00, QL.2; Điểm cuối: cầu Km 21+700; Chiều dài: 700m; Mặt cắt ngang đường: 7m (lòng đường 5 m; hè đường 2 x 2m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa đá rã.

1.7. Đường Võ Nguyên Giáp. Điểm đầu: Từ Km 266+850, QL.2; Điểm cuối: Km4+, thôn Làng Vàng 1; Chiều dài: 4 Km; Mặt cắt ngang đường: 25,5m (Bề rộng mặt đường Bm 2x7,5); Kết cấu đường: Bê tông nhựa đá rã.

2. Các tuyến đặt tên phố: 12 tuyến phố

2.1. Phố Hoàng Văn Thụ. Điểm đầu: Giao với đường Lê Quý Đôn (Nhà Ô Thiện Sắc tổ 11); Điểm cuối: Giao với đường Hùng Vương (Nhà Định tổ 11); Chiều dài: 400m; Mặt cắt ngang đường: 10m (lòng đường 5 m; hè đường 2 x 2m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa đá rã.

2.2. Phố Nguyễn Viết Ninh. Điểm đầu: Giao với đường Lê Quý Đôn; Điểm cuối: Giao với đường Hùng Vương (Nhà ông Xuân); Chiều dài: 400m; Mặt cắt ngang đường: 10m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa đá rã.

2.3. Phố Nguyễn Viết Xuân. Điểm đầu: Giao với đường Lê Quý Đôn; Điểm cuối: K0+200; Chiều dài: 200m; Mặt cắt ngang đường: 7m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông đá rã.

2.4. Phố Võ Thị Sáu. Điểm đầu: Giao với đường Hùng Vương; Điểm cuối: K0+200; Chiều dài: 200m; Mặt cắt ngang đường: 7m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa (Dọc sân vận động) và bê tông đá rã.

2.5. Phố Lê Văn Tám. Điểm đầu: Giao với đường Hùng Vương; Điểm cuối: Ban chỉ huy quân sự huyện; Chiều dài: 250m; Mặt cắt ngang đường: 7m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa đá rã.

2.6. Phố Lê Trần Mãn. Điểm đầu: Giao với đường Nguyễn Trãi; Điểm cuối: Giao với Đường Lê Quý Đôn; Chiều dài: 200m; Mặt cắt ngang đường: 10m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa.

2.7. Phố Ngô Quyền. Điểm đầu: Giao với đường Nguyễn Trãi; Điểm cuối: Giao với Đường Lê Quý Đôn; Chiều dài: 200m; Mặt cắt ngang đường: 10m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa.

2.8. Phố Lê Chân. Điểm đầu: Giao với đường Nguyễn Trãi; Điểm cuối: K0+400m; Chiều dài: 500m; Mặt cắt ngang đường: 10m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa.

2.9. Phố Nguyễn Văn Trỗi. Điểm đầu: Giao với đường Nguyễn Trãi; Điểm cuối: K0+635m; Chiều dài: 635m; Mặt cắt ngang đường: 10m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa.

2.10. Phố Hoàng Hữu Chuyên. Điểm đầu: Phố Nguyễn Văn Trỗi; Điểm cuối: K0+175m; Chiều dài: 175m; Mặt cắt ngang đường: 10m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa.

2.11. Phố Lê Hồng Phong. Điểm đầu: Giao với đường Nguyễn Trãi; Điểm cuối: Giao với Đường Lê Quý Đôn; Chiều dài: 200m; Mặt cắt ngang đường: 7m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông đá rậm.

2.12. Phố Hai Bà Trưng. Điểm đầu: Giao với đường Nguyễn Trãi; Điểm cuối: Giao với Đường Lê Quý Đôn; Chiều dài: 200m; Mặt cắt ngang đường: 7m (lòng đường 5 m); Kết cấu đường: Bê tông nhựa.

II. Đối với thị trấn NT Việt Lâm

1. Đường Trần Hưng Đạo (QL.2). Điểm đầu: Từ Km24 Cầu Luông (Phía Nam); Điểm cuối: Km29 Chợ Vạt (Phía Bắc); Chiều dài: 5.000m; Mặt cắt ngang đường: 20,5m (lòng đường 10,5 m; hè đường 3 x 2m); Kết cấu đường: Nhựa áp phan.

2. Đường Trường Chinh. Điểm đầu: Từ Km 27, QL.2 (Ngã 3 đường đi Trung Thành); Điểm cuối: Đường vào thôn Suối Đồng (Tổ 14) Chiều dài: 3.000m; Mặt cắt ngang đường: 10,5m (lòng đường 7,5m) Kết cấu đường: Đường nhựa.

3. Đường Bé Văn Đàn. Điểm đầu: Từ Km 26, (QL.2), Ngã 3 đường đi vào Tổ 3, (thôn Mỹ); Điểm cuối: Nhà ông Tân. Chiều dài: 2.000m; Lòng đường 4m; Kết cấu đường: Bê tông.

4. Đường Hoàng Hoa Thám. Điểm đầu: Từ Km 28, (QL.2). Đường đi vào Tổ 8 và Tổ 11, Điểm cuối: Nhà ông Hải Hoan. Chiều dài: 2.400m; Lòng đường 4,5m; Kết cấu đường: Bê tông.

5. Đường Nguyễn Du. Điểm đầu: Từ Km 29, (QL.2). Đường đi vào Tổ 10; Điểm cuối: Nhà ông Hạng. Chiều dài: 500m; Lòng đường 4m; Kết cấu đường: Bê tông.

III. Khái toán kinh phí thực hiện Đề án

Tổng kinh phí: 460.985.000 đồng (Trong đó: Kinh phí 270.585.000 đồng do nhân dân đóng góp từ việc cấp biển mới các hộ gia đình; Kinh phí còn lại là 190.400.000 đồng do nhà nước hỗ trợ).

Trong đó:

- Biên cấp mới nhà ở hộ gia đình: $6.013 \text{ biên}^1 \times 45.000 \text{ đồng/biên} = 270.585.000 \text{ đồng}$
 - Biên cơ quan, đơn vị nhà nước (Dự kiến): $200 \text{ biên} \times 45.000 \text{ đồng/biên} = 18.000.000 \text{ đồng}$.
 - Cột và biên tên đường, tên phố, biển số ngõ, ngách: $102 \text{ cột, biên}^2 \times 1.200.000 \text{ đồng/cột, biên} = 122.400.000 \text{ đồng}$.
 - Hỗ trợ tiền khảo sát, lập phương án, đề án: 30.000.000 đồng.
- Tiền in ấn tài liệu (Dự thảo xin ý kiến, đề án chính thức, hồ sơ xin cấp số nhà, văn phòng phẩm): 15.000.000 đồng

Trên đây là báo cáo kết quả xây dựng đề án đặt tên đường, tên phố, số ngõ, ngách và đánh số, gắn biển số nhà trên địa bàn thị trấn Vị Xuyên, thị trấn nông trường Việt Lâm của UBND huyện Vị Xuyên./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các thành viên Tổ xây dựng đề án của huyện (QĐ số 10094/QĐ-UBND, ngày 11/12/2023 của UBND huyện);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lý Xuân Tiên

¹ Thị trấn Vị Xuyên là 4.618 biên và thị trấn NT Việt Lâm là 1.539 biên

² Thị trấn Vị Xuyên là 50 cột, biên và thị trấn NT Việt Lâm là 52 cột, biên